

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM BẢNG  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08-9-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Nga.

2. Ông Lê Văn Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 16/5 Đ, đường H1, phường B, thành phố Th, tỉnh Th. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Vũ Văn H2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Kh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 10/6/2020 và trong quá trình xét xử, chị Vũ Thị H là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Vũ Văn H2 kết hôn tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 23/5/2014, tại Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là anh H thường xuyên uống rượu say, không chăm lo kinh tế gia đình, tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến cãi chửi lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng luôn nặng nề, căng thẳng. Từ tháng 12 năm 2015, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại số nhà 16/5 Đ, đường H1, phường B, thành phố Th, tỉnh Th để ở. Vợ chồng sống ly thân

và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn H2.

Về con chung: Chị H và anh H2 có 01 con chung là cháu Vũ Thiện Nh, sinh ngày 08/6/2015. Hiện nay, cháu Nh đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nh. Chị không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng cho con.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Chị H trình bày, kể từ khi kết hôn đến nay vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh H2 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhiều lần và được niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh là thôn Đ, xã Kh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Kh, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của pháp luật và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị H. Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn H2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thiện Nh, sinh ngày 08/6/2015 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Anh H2 không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị H. Án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0004116 ngày 17/6/2020 tại Chi cục THADS huyện Kim Bảng. Chị H đã nộp đủ án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện, chị Vũ Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Vũ Văn H2 là bị đơn; địa chỉ: Thôn Đ, xã Kh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Bị đơn là anh Vũ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn H2 kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 5 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là anh H2 thường xuyên uống rượu say, tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến cãi chửi lẫn nhau. Từ tháng 12 năm 2015, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại số nhà 16/5 Đ, đường H1, phường B, thành phố Th, tỉnh Th để ở. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành. Qua các tài liệu xác minh, làm việc tại địa phương cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh H2 là có căn cứ được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H và anh H2 có một con chung là cháu Vũ Thiện Nh, sinh ngày 08/6/2015. Từ tháng 12/2015 cho đến nay, cháu Nh ở với chị H, được chị H nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt, khi ly hôn nguyện vọng của chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh. Để đảm bảo quyền lợi cho con và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Nh, do đó, giao cháu Nh cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H là phù hợp quy định tại các Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con riêng: Không có.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Vũ Văn H2.
2. Con chung: Giao cháu Vũ Thiện Nh, sinh ngày 08/6/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi, lao động tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004116 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Văn H2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Cơ quan T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND Kh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Nguyệt**

